TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2023/DS - PT
Ngày 10 tháng 5 năm 2023
V/v "Tranh chấp QSD đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ
Các Thẩm phán: Ông Tạ Văn Thành
Bà Lê Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2023/TLDS-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS - ST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T - Sinh năm 1958.

Địa chỉ: SN X, khu tập thể C, khóm X, đường C T, phường X, thành phố C M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của Ông T là ông Hồ Văn P - sinh năm 1978; Địa chỉ: Số X, ngõ X, phố M L, phường T C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2/ Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị P - sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khu X, xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2.2. Ông Nguyễn Đức C - Sinh năm 1959 .

Địa chỉ: Số nhà X T T, phường T D, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi của ông Nguyễn Đức C: Luật sư **Vũ Đình T** – Công ty Luật hợp danh H V- Đoàn Luật sư tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Số nhà X, đường Â C, phường T C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

3/ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Nguyễn Đức T - Sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Khu X, xã P L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

(Đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Nguyễn Đức C - Sinh năm 1959).

Đia chỉ: Số nhà X T T, P. T D, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ

3.2. UBND huyện L T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chủ tịch UBND huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất huyện L T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4/ Người kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều kháng cáo bản án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân T là ông Hồ Văn P trình bày:

Bố Ông T là Nguyễn Văn V, chết năm 1997 và mẹ Ông T là Phạm Thị N, chết năm 2007. Bố, mẹ Ông T sinh được 4 anh, chị em chúng gồm:

1, Ông Nguyễn Đức T - Sinh năm 1954.

ĐKHKTT: Khu X, xã P L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

2, Ông Nguyễn Xuân T - Sinh năm 1958.

TT: SN X, khu tập thể C, khóm X, đường C T, phường X, thành phố C M, tỉnh Cà Màu.

3, Ông Nguyễn Đức C - Sinh năm 1959.

ĐKHKTT: X T T, phường T D, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

4, Bà Nguyễn Thị P - sinh năm 1963.

ĐKHKTT: Khu X, xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

Khi còn sống bố mẹ Ông T có cho Ông T diện tích 403m^2 đất. Năm 1993 được vẽ vào bản đồ địa chính xã. Năm 1997 Ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 290, tờ bản đồ số 13, diện tích 403m^2, tại: Khu X, xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 129840 do Ủy ban nhân dân huyện P C cấp ngày 05/6/1997 đứng tên Nguyễn Xuân T. Năm 2016 Ông T được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên do quá trình cấp có sự sai sót về mặt thủ tục nên cơ quan nhà nước đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2016 của Ông T và đến thời điểm hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 290, tờ bản đồ số 13, diện tích 379,25m^2, tại: Khu X, xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 129840 do Ủy ban nhân dân huyện P C cấp ngày 05/6/1997 đứng tên Nguyễn Xuân T vẫn còn giá trị pháp lý. Gia đình Ông T trước kia sinh sống tại xã V L, huyện L T, sau đó chuyển vào thành phố C M sinh sống, tuy nhiên thửa đất trên gia đình Ông T xác định giữ lại để sử dụng và có nhờ anh, em trông nom giúp trong thời gian vắng mặt tại địa phương. Khoảng tháng 7/2021, Ông T có nhận được tin em Ông T là bà P và ông C có ý định xây dựng công trình trên thửa đất của Ông T. Ông T đã làm đơn đến cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân xã V L và Công an xã V L giải quyết. Ủy ban nhân dân xã đã báo ông C, bà P đến để giải quyết và đã có văn bản yêu cầu ông C, bà P dừng việc xây dựng trái pháp luật trên đất của Ông T, tuy nhiên không hiểu sao ông C, bà P Vẫn cố tình xây dựng trái phép trên thửa đất của Ông T. Ông T nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm nên Ông T khởi kiện đến Tòa án nhân dân

huyện L T giải quyết buộc ông C, bà P có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ công trình xây trái phép trên thửa đất trên để trả lại đất cho Ông T.

Ý kiến của bị đơn: Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Đức C đều thống nhất trình bày:

Thửa đất số 290, tờ bản đồ số 13, diện tích 379,25m2 tại: Khu X, xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ là tài sản của bố, mẹ ông, bà để lại do chính bố, mẹ ông mua từ năm 1954 và chưa chia cho ai. Năm 1997 khi nhà nước làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ông T tự kê khai và bà H là vợ ông T (chị dâu Ông T) do tin tưởng Ông T đã ký thay chữ ký của cụ V và cụ N và Ông T đã được Ủy ban nhân dân huyện P C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 129840 ngày 05/6/1997. Sau này Ông T được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/11/2016. Như vậy, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông T chữ ký trong hồ sơ là giả mạo, không có việc cụ V và cụ N cho Ông T thửa đất trên. Do vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện L T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên cho Ông T là không đúng quy định của pháp luật. Năm 2016 Ủy ban nhân dân huyện L T cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông T và có quyết định thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1997. Hiện nay Ủy ban nhân dân huyện L T đã ra quyết định thu hồi lại cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 791931 ngày 10/11/2016. Vì vậy, cả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Ông T nay đều đã hết hiệu lực, thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của bố, mẹ tôi. Nay nhà thờ tổ tiên cũ của gia đình tôi được xây trên thửa đất của bố, mẹ tôi để lại tại Khu X, xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ đã bị xuống cấp, hư hỏng nhiều năm. Chính vì vậy anh chị em trong gia đình thống nhất xây dựng nhà thờ mới để thờ cúng bố mẹ, đây là tâm niệm của cả bố, mẹ ông bà trước khi chết để lại. Do vậy, ông C bà P đề nghị Tòa án nhân dân huyện L T bác yêu cầu khởi kiện của Ông T vì không đủ cơ sở pháp lý và đề nghị Tòa án nhân dân huyện L T hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số B 129840 do Ủy ban nhân dân huyện P C cấp ngày 05/6/1997 đứng tên ông Nguyễn Xuân T đối với thửa đất số 290, tờ bản đồ số 13, diện tích 379,25m^2, tại: Khu X, xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên Ông T cấu kết lập giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mạo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đức T.

Ông T nhất trí với quan điểm trình bày của ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị P. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. UBND huyện L T.

- Tại bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đức H trình bày:

1. Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Xuân T như sau:

1.1. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Xuân T, Khu X, xã V L, huyện L T năm 1997:

Năm 1993, thực hiện chủ trương đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân trên địa bàn xã V L. Sau khi đo đạc xong đã thực hiện kê khai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân trong đó có gia đình ông Nguyễn

Xuân T kê khai đăng ký thửa đất số 290, tờ bản đồ 13, diện tích 403m^2 (đất ở 200m^2; đất vườn 203m^2) . Căn cứ vào kết quả kê khai đăng ký của nhân dân, Hội đồng đăng ký đất đai xã V L đã tiến hành xét duyệt các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận và thông báo công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi kết thúc thời gian công khai theo quy định, UBND xã V L hoàn thiện hồ sơ trình UBND huyện P C (cũ) cấp giấy chứng nhận cho nhân dân. Ngày 05/6/1997, UBND huyện P C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 1988 hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã V L trong đó gia đình ông Nguyễn Xuân T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 129840 (số vào sổ 0701) thửa đất số 290, tờ bản đồ số 13, diện tích 403m^2 (đất ở: 200m^2; (đất vườn): 203m^2).

Năm 2008, UBND huyện L T đã thu hồi 23,75m^2 đất vườn tại thửa đất số 290, tờ bản đồ số 13, theo Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 24/11/2008. Diện tích còn lại tại thửa đất trên là 379,25m^2 (đất ở: 200m^2; (đất vườn): 179,25m^2).

1.2. Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Xuân T, Khu X, xã V L, huyện L T năm 2016:

Năm 2016, ông Nguyễn Xuân T có đơn đề nghị UBND xã V L cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 290, tờ bản đồ số 13, diện tích 379,25m^2 (đất ở: 200m^2; đất vườn: 179,25m^2) theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2002 là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 41, diện tích 461m^2 (đất ở: 200m^2; đất trồng cây lâu năm khác (đất vườn): 261m^2). UBND xã V L lập hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Xuân T trình UBND huyện phê duyệt. Ngày 10/11/2016, UBND huyện L T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 791931 (số vào sổ CH02117), tại thửa đất số 221, tờ bản đồ số 41, diện tích 461m^2 (đất ở: 200m^2; đất trồng cây lâu năm khác (đất vườn): 261m^2).

2. Về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Xuân T theo Quyết định số 2482/QĐ-UBND ngày 08/4/2020.

Năm 2019, UBND huyện L T nhận đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đức C, tổ X, phường T D, thành phố V T. Khiếu nại việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Xuân T tại thửa đất số 221, tờ bản đồ số 41, diện tích 461m^2 (đất ở: 200m^2; đất trồng cây lâu năm khác (đất vườn): 261m^2) , tăng diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1997, nhưng trong biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất hộ sử dụng đất liền kề không ký giáp ranh *(ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị H không ký).*

UBND huyện L T đã giao cho phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét giải quyết nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Đức C. Sau khi làm việc với UBND xã V L và các cá nhân có liên quan, ngày 03/4/2020, phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình số 680A/TTr-TNMT để nghị UBND huyện L T ban hành thông báo thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Xuân T; UBND huyện L T đã ban hành thông báo số 44/TB-UBND ngày 03/4/2020 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; ngày 08/4/2020, UBND huyện L T đã ban hành Quyết định số 2482/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông

Nguyễn Xuân T. Lý do thu hồi: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng quy định của pháp luật *(Một số hộ sử dụng đất liền kề không ký giáp ranh)*

Tuy nhiên, theo hồ sơ địa chính xã V L thửa đất trên đứng tên Nguyễn Xuân T, với diện tích 379,25m^2 (đất ở: 200m^2; (đất vườn): 179,25m^2) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 1997.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 161, Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166, Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Đức C yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 129840 do Ủy ban nhân dân huyện P C cấp ngày 05/6/1997 đứng tên ông Nguyễn Xuân T đối với thửa đất số 290, tờ bản đồ số 13, diện tích 379,25m^2, tại Khu X, xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Đức C và ông Nguyễn Đức T phải trả lại diện tích đất 166m^2 đất cho ông Nguyễn Xuân T có các chỉ giới theo sơ đồ hiện trạng là 2, 3, 13, 12, 4, 5, 6, 14, 11, 10, 9, 2. (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Giao cho ông Nguyễn Xuân T được sở hữu, sử dụng toàn bộ phần công trình xây trên diện tích đất 166m^2 (gồm 01 nhà xây 02 tầng diện tích 01 tầng là 105,2m^2; 01 nhà bếp diện tích 30,9m^2; sân gạch 29,9m^2 và tường rào có tổng chiều dài 9m, cao 2m, 02 trụ cổng xây gạch chỉ cao 2,2m x 0,45m x 0,45m) có các chỉ giới theo sơ đồ hiện trạng là 2, 3, 13, 12, 4, 5, 6, 14, 11, 10, 9, 2. (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo). Ông Nguyễn Xuân T có trách nhiệm hỗ trợ thanh toán cho bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đức C và ông Nguyễn Đức T số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/11/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đức C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/DS-ST ngày 14/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện L T, tỉnh Phú Thọ. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo: Nội dung bản án sơ thẩm không khách quan, vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đức C và ông Nguyễn Đức T.

Ngày 23/11/2022 đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Hồ Văn P kháng cáo: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ buộc bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đức C phải tháo dỡ toàn bộ các công trình trên đất để trả lại nguyên trạng đất cho ông Nguyễn Xuân T như trước khi xây dựng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự có kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa bị đơn và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn nêu quan điểm: Nguồn gốc đất của cụ V và cụ N chưa cho ai vì nếu cho thì phải có

văn bản, thực tế là Ông T tự kê khai; Nếu là thừa kế thì phải có di chúc; Việc xây nhà thờ là thực hiện truyền thống tốt đẹp nên phá dỡ là không hợp lý; Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không đúng nên đề nghị hủy án sơ thẩm, còn nếu sửa án thì chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nêu quan điểm: Đất của cụ V và cụ N chia làm 3 thửa khi các cụ còn sống, đã thể hiện trên bản đồ loại bản đồ 299 và sổ mục kê; Nhà xây hiện nay là nhà ở chứ không phải nhà thờ vì phần đất còn lại của các cụ vẫn có nhà thờ tự; Việc buộc phá dỡ công trình mới đúng pháp luật vì đã có văn bản của địa phương đình chỉ xây dựng nhưng vẫn cố tình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, nguyên đơn và người đại diện thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung kháng cáo, đại diện VKS đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 2 Điều 308; 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/DS-ST ngày 14/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện L T, tỉnh Phú Thọ theo hướng buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phá dỡ công trình, trả lại quyền sử dụng đất cho nguyên đơn theo nguyên trạng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều kháng cáo bản án làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất đứng tên Ông T đã được đo vẽ vào bản đồ địa chính năm 1993 khi đó cụ Nguyễn Văn V và cụ Phạm Thị N vẫn còn sống. Thửa đất được thể hiện tại thửa số 290 tờ bản đồ số 13. Tại sổ địa chính (lập ngày 10/8/1996) trang số 222, quyển số 03, thể hiện chủ sử dụng ông Nguyễn Xuân T, tại sổ mục kê (lập năm 1996) trang số 262 thể hiện tên chủ sử dụng đất ông Nguyễn Xuân T.

Cũng tại tờ bản đồ số 13 thời điểm đo vẽ bản đồ địa chính năm 1993 thì cụ Nguyễn Văn V, cụ Phạm Thị N và gia đình ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị H cũng được đo vẽ là các thửa riêng biệt.

Cụ V, cụ N đứng tên thửa 463 có diện tích 637m^2; Ông T bà H là thửa 219 diện tích 357m^2 đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 05/6/1997.

Các thửa đất được tách, ghi nhận trong bản đồ địa chính là cơ sở để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của luật đất đai. Mặt khác cụ V và cụ N không tranh chấp thậm chí còn cất giữ hộ giấy chứng nhận. Các căn cứ trên đủ cơ sở khẳng định cụ V và Cụ N đã cho Ông T quyền sử dụng đất, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Ông T và ông T bà H được cấp Giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất và các thửa đất đều có khuôn viên

tường rào riêng biệt. Như vậy thửa đất trên được xác định không có tranh chấp về mốc giới. Thủ tục cấp đổi, đo đạc lại diện tích thửa đất là thủ tục hành chính không ảnh hưởng quyền sử dụng đối với các hộ liền kề.

Như vậy thửa đất có tranh chấp trên được xác định Ông T được bố mẹ cho quyền sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

[2.2] Khoảng tháng 7/2021, bà P, ông C và ông T đều cho rằng thửa đất trên là của cụ Nguyễn Văn V và cụ Phạm Thị N nên đã xây dựng 01 ngôi nhà hai tầng để làm nơi thờ cúng bố mẹ trên thửa đất số 290, tờ bản đồ số 13 (theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2002 là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 41), ở Khu X, xã V L, huyện L T thuộc quyền sử dụng của Ông T mà không được sự đồng ý của chủ sử dụng đất là xây dựng trái phép.

Trong quá trình xây dựng, ngày 13/8/2021 UBND xã V L (BL 19) đã kiểm tra và yêu cầu ông C dừng việc thi công công trình nhà ở, tháo dỡ công trình vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu nhưng ông C vẫn tiếp tục xây dựng là trái pháp luật. Bản án sơ thẩm tuyên giao tài sản trên đất cho nguyên đơn và buộc nguyên đơn hoàn lại 1/2 giá trị tài sản là trái với quyền tự do định đoạt tài sản của nguyên đơn.

Qúa trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm các bên đương sự không thỏa thuận được. Căn cứ Điều 166 Luật Đất đai và Điều 166 Bộ luật Dân sự (quyền đòi lại tài sản) thì yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở pháp luật, được chấp nhận.

Do yêu cầu về quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được chấp nhận nên cần buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả lại nguyên trạng thửa đất.

Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn và người có quyền lợi liên quan phải tháo dỡ, di dời toàn bộ vật kiến trúc, vật dụng và tài sản khác, trả lại quyền sử dụng đất cho nguyên đơn.

[3] Quan điểm của Luật sư bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không được chấp nhận.

Quan điểm của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Đức C và ông Nguyễn Đức T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Trả lại án phí cho nguyên đơn do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo bị đơn bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đức C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân T do ông Hồ Văn P là đại diện theo ủy quyền.

Sửa Bản án sơ thẩm số 04/DS-ST ngày 14/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện L T, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ: Khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 161, Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Xuân T.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Đức C yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 129840 do Ủy ban nhân dân huyện P C cấp ngày 05/6/1997 đứng tên ông Nguyễn Xuân T đối với thửa đất số 290, tờ bản đồ số 13, diện tích 379,25m^2, tại Khu X, xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Đức C và ông Nguyễn Đức T phải trả lại diện tích đất 166m^2 đất cho ông Nguyễn Xuân T có các chỉ giới theo sơ đồ hiện trạng là 2, 3, 13, 12, 4, 5, 6, 14, 11, 10, 9, 2. (theo sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án sơ thẩm).

Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Đức C và ông Nguyễn Đức T phải tháo dỡ, di dời toàn bộ vật kiến trúc, vật dụng và tài sản khác, trả lại quyền sử dụng đất cho nguyên đơn trên diện tích đất 166m^2 (gồm 01 nhà xây 02 tầng diện tích 01 tầng là 105,2m^2; 01 nhà bếp diện tích 30,9m^2; sân gạch 29,9m^2 và tường rào có tổng chiều dài 9m, cao 2m, 02 trụ cổng xây gạch chỉ cao 2,2m x 0,45m x 0,45m) có các chỉ giới theo sơ đồ hiện trạng là 2, 3, 13, 12, 4, 5, 6, 14, 11, 10, 9, 2. (theo sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án sơ thẩm).

Ông Nguyễn Xuân T không phải hỗ trợ thanh toán cho bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đức C và ông Nguyễn Đức T.

[2]. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ Điều 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Đức C và ông Nguyễn Đức T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà Nguyễn Thị P đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L T SỐ AA/2020/0002330 ngày 25/11/2022 nay chuyển thành án phí.

Trả lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L T số AA/2020/0002334 ngày 02/12/2022.

" Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều

9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện L T;
- TAND huyện L T;
- Chi cục THADS huyện L T;
- Các đương sự;
- Lưu AV: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Vũ